

ĐỊA LÝ 10



Bài 2



MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÍ TRÊN BẢN ĐỒ

- Được phân bố theo những điểm **cụ thể**.
- Biểu hiện vị trí, số lượng, quy mô, chất lượng, cấu trúc và động lực phát triển của đối tượng.
- Một số dạng biểu hiện: hình học, chữ, tượng hình.

Ví dụ:

KÍ HIỆU

- Dùng để biểu hiện **sự di chuyển**.
- Khả năng biểu hiện hướng, khối lượng, tốc độ và cấu trúc di chuyển của đối tượng.
- Dạng biểu hiện gồm: mũi tên, dày - mảnh, dài - ngắn và màu sắc khác nhau.

Ví dụ:

ĐƯỜNG CHUYỂN ĐỘNG

PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN

CHẤM ĐIỂM

- Để biểu hiện những đối tượng được phân bố **phân tán, lẻ tẻ**.
- Khả năng biểu hiện: vị trí, số lượng và khối lượng của đối tượng.
- Dạng biểu hiện là các điểm chấm to nhỏ.

Ví dụ:

BẢN ĐỒ - BIỂU ĐỒ

- Biểu hiện một giá trị **tổng cộng**.
- Khả năng biểu hiện gồm: vị trí, quy mô, cơ cấu của đối tượng.
- Dạng biểu hiện là các biểu đồ.

Ví dụ:

TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Câu 1. Phương pháp kí hiệu dùng để thể hiện các đối tượng

- A. phân bố theo những điểm cụ thể.
- B. di chuyển theo các hướng bất kì.
- C. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc.
- D. tập trung thành vùng rộng lớn.

Câu 2. Dạng kí hiệu nào sau đây **không** thuộc phương pháp kí hiệu?

- A. Hình học.
- B. Chữ.
- C. Điểm.
- D. Tượng hình.

Câu 3. Các mỏ khoáng sản thường được biểu hiện bằng phương pháp

- A. đường chuyển động.
- B. kí hiệu.
- C. chấm điểm.
- D. bản đồ - biểu đồ.

Câu 4. Các đô thị thường được biểu hiện bằng phương pháp

- A. đường chuyển động.
- B. kí hiệu.
- C. chấm điểm.
- D. bản đồ - biểu đồ.

Câu 5. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động dùng để thể hiện các đối tượng

- A. phân bố theo những điểm cụ thể.
- B. di chuyển theo các hướng bất kì.
- C. phân bố, phân tán, lẻ tẻ, rời rạc.
- D. tập trung thành vùng rộng lớn.

- Câu 6.** Hướng gió thường được biểu hiện bằng phương pháp
- A. đường chuyển động. B. kí hiệu. C. chấm điểm. D. bản đồ - biểu đồ.
- Câu 7.** Các tuyến giao thông đường bộ thường được biểu hiện bằng phương pháp
- A. đường chuyển động. B. kí hiệu. C. chấm điểm. D. bản đồ - biểu đồ.
- Câu 8.** Phương pháp bản đồ - biểu đồ thể hiện giá trị tổng cộng của một hiện tượng địa lí
- A. trên một đơn vị lãnh thổ hành chính. B. trong một khoảng thời gian nhất định.
- C. được phân bố ở các vùng khác nhau. D. được sắp xếp thứ tự theo thời gian.
- Câu 9.** Phương pháp bản đồ - biểu đồ không biểu hiện được
- A. số lượng của hiện tượng được thống kê theo từng đơn vị lãnh thổ.
- B. cơ cấu của hiện tượng được thống kê theo từng đơn vị lãnh thổ.
- C. vị trí thực của đối tượng được thống kê theo từng đơn vị lãnh thổ.
- D. giá trị của hiện tượng được thống kê theo từng đơn vị lãnh thổ.
- Câu 10.** Để phân biệt vùng phân bố của một dân tộc nào đó xen kẽ với các dân tộc khác, thường dùng phương pháp
- A. bản đồ - biểu đồ. B. khoanh vùng. C. chấm điểm. D. kí hiệu.

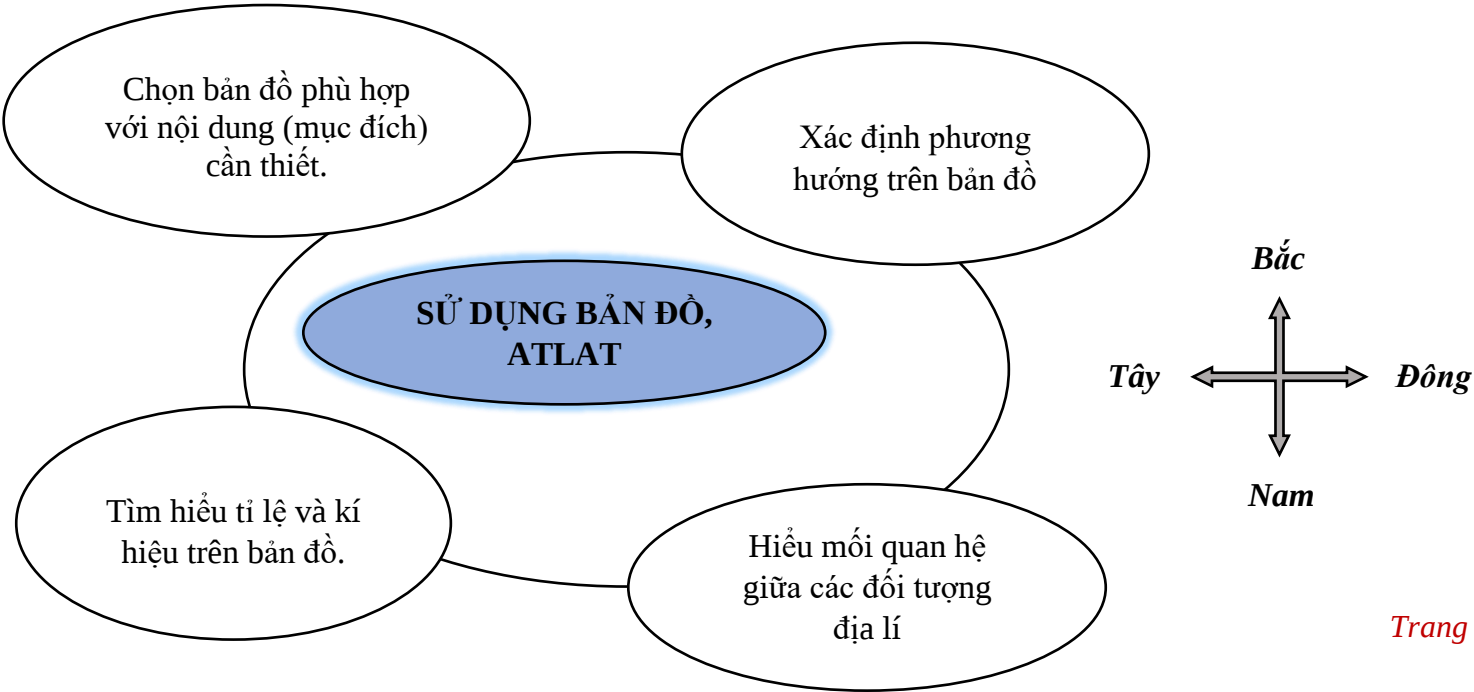
Bài 3

SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TRONG HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG

VAI TRÒ
CỦA BẢN ĐỒ

Bản đồ là phương tiện để học sinh **học tập** và **rèn luyện** các kỹ năng địa lí.
Ví dụ:

Bản đồ là phương tiện được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày.
Ví dụ:



 TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Câu 1. Bản đồ **không** phải là một phương tiện chủ yếu để học sinh

- A.** rèn luyện kỹ năng địa lí.
B. khai thác kiến thức địa lí.
C. xem các tranh ảnh địa lí.
D. củng cố hiểu biết địa lí.

Câu 2. Bản đồ địa lí **không** thể cho biết nội dung nào sau đây?

- A.** Lịch sử phát triển tự nhiên.
B. Hình dạng của một lãnh thổ.
C. Sự phân bố các điểm dân cư.
D. Vị trí của đối tượng địa lí.

Câu 3. Kí hiệu của bản đồ dùng để thể hiện

- A.** các đối tượng địa lí trên bản đồ. **B.** tỉ lệ của bản đồ so với thực tế.
C. hệ thống đường kinh, vĩ tuyến. **D.** bản chú giải của một bản đồ.

Câu 4. Tỷ lệ 1 : 9.000.000 được hiểu là 1cm trên bản đồ ứng với ngoài thực địa là

- A.** 90km. **B.** 90m. **C.** 90dm. **D.** 90cm.

Câu 5. Trong học tập, bản đồ là một phương tiện để học sinh

- A.** học thay sách giáo khoa.
B. học tập, rèn luyện các kỹ năng địa lí.
C. thư giãn sau khi học xong bài.
D. xác định vị trí các bộ phận lãnh thổ.

Câu 6. Muốn tìm hiểu được nội dung của bản đồ, trước hết cần phải nghiên cứu kĩ phần

- A.** chú giải và kí hiệu.
B. kí hiệu và vĩ tuyến.
C. vĩ tuyến và kinh tuyến.
D. kinh tuyến và chú giải.

Câu 7. Để xác định phương hướng chính xác trên bản đồ, cần phải dựa vào

- A. các đường kinh vĩ tuyến.** **B. chú giải và kí hiệu.**
C. kinh tuyến và chú giải. **C. kí hiệu và vĩ tuyến.**

Câu 8. Mũi tên chỉ phương hướng trên bản đồ thường chỉ về hướng

- A.** Bắc. **B.** Nam. **C.** Tây. **D.** Đông.

Câu 9. Kỹ năng nào được xem là phức tạp hơn cả trong số các kỹ năng sau đây?

- A.** Xác định hệ tọa độ địa lí.
B. Tính toán khoảng cách.
C. Mô tả vị trí đối tượng.
D. Phân tích mối liên hệ.

Câu 10. Để giải thích sự phân bố mưa của một khu vực, cần sử dụng bản đồ khí hậu và bản đồ

- A.** địa hình. **B.** sông ngòi. **C.** sinh vật. **D.** thổ nhưỡng.

Củng cố

[illegible]

Bài 4

Thực hành

XÁC ĐỊNH MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÍ TRÊN BẢN ĐỒ

Hình 2.2. Bản đồ Công nghiệp điện Việt Nam

Nội dung	Đối tượng	Phương pháp	Đặc tính đối tượng
Sự phân bố các nhà máy điện ở Việt Nam.	Các nhà máy điện	Ký hiệu	Quy mô, vị trí và nguồn năng lượng của nhà máy.
	Đường dây tải điện	Ký hiệu	

Ví dụ:

- Các nhà máy thủy điện được thể hiện bằng.....
- Các nhà máy nhiệt điện được thể hiện bằng.....
- Trạm điện 500 KV được thể hiện bằng.....
- Trạm điện 220 KV được thể hiện bằng.....

Hình 2.3. Bản đồ Gió và bão ở Việt Nam

- * Nội dung: Hoạt động của gió và bão ở Việt Nam.
- * Phương pháp thể hiện: Ký hiệu đường chuyển động.
- * Đối tượng:
 - Chế độ gió: được ký hiệu bằng các mũi tên và màu sắc khác nhau.
 - + Gió mùa mùa đông:.....
 - + Gió mùa mùa hạ:.....
 - + Hoạt động của bão:.....
- * Đặc tính của đối tượng: thời gian hoạt động, tính chất, hướng di chuyển và tần suất của bão, các khu vực chịu ảnh hưởng.

Hình 2.4. Bản đồ phân bố dân cư châu Á

- * Nội dung: Sự phân bố các điểm dân cư đô thị ở châu Á.
- * Phương pháp thể hiện: Chấm điểm.
- * Đối tượng: Dấu chấm to nhất ứng với đô thị trên 8 triệu dân; dấu chấm to tiếp theo ứng với đô thị từ 5 đến 8 triệu dân; mỗi chấm nhỏ ứng với 1 triệu dân.
- * Đặc tính đối tượng: vị trí (chỉ một cách tương đối), quy mô, mật độ các điểm dân cư châu Á.



Vũ trụ. Hệ Mặt Trời và Trái Đất

Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất

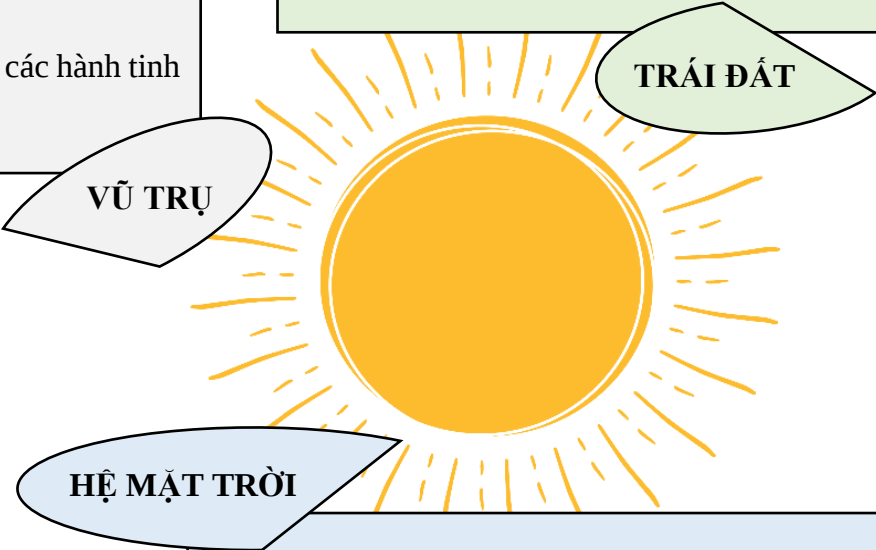
- Vũ trụ là khoảng không vô tận chứa các **thiên hà**.

- Thiên hà chứa Mặt Trời và các hành tinh của nó gọi là **Dải Ngân hà**.

- Vị trí thứ trong Hệ Mặt Trời.

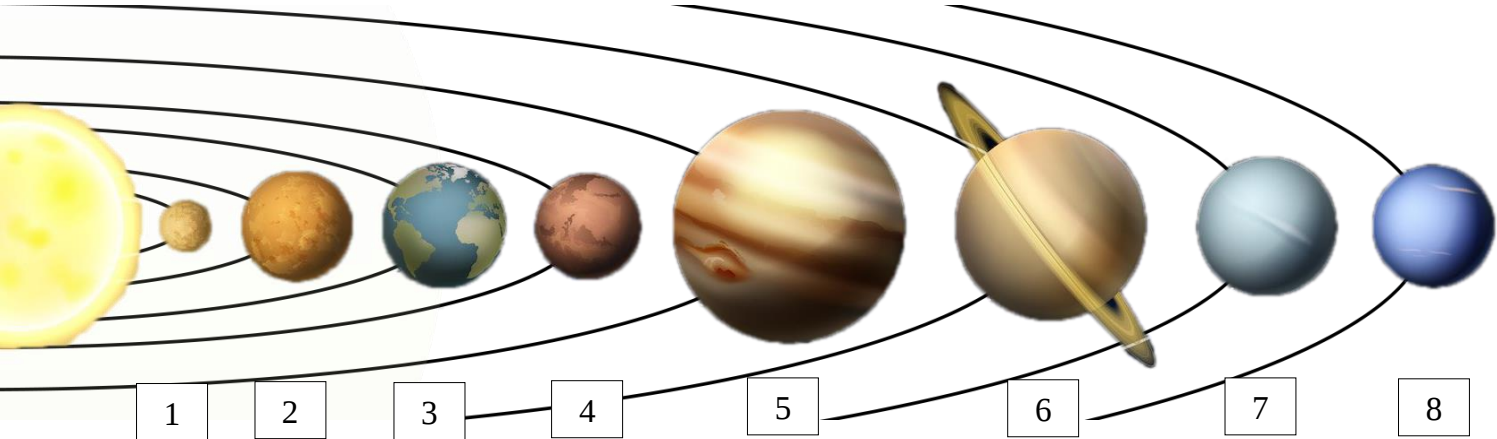
- Khoảng cách đến Mặt Trời là 149,6 triệu km (**1 AU**).

- Chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời.



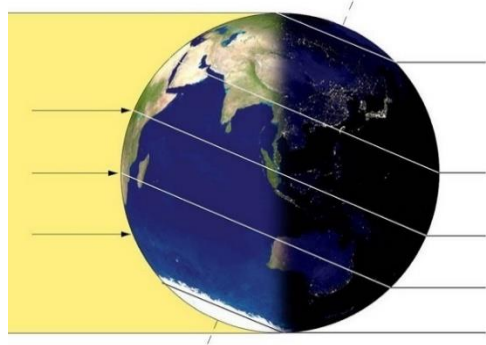
- Là tập hợp các thiên thể trong Dải Ngân hà.

- Gồm có Mặt Trời ở trung tâm và 8 hành tinh.



- 1: *Thủy tinh* (Mercury), 2: *Kim tinh* (Venus), 3: *Trái Đất* (Earth), 4: *Hỏa tinh* (Mars)
- 5: *Mộc tinh* (Jupiter), 6: *Thổ tinh* (Saturn),
- 7: *Thiên Vương tinh* (Uranus), 8: *Hải Vương tinh* (Neptune).

SỰ LUÂN PHIÊN NGÀY, ĐÊM



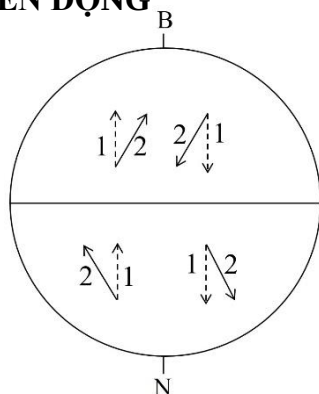
- Trái Đất hình cầu → chỉ chiếu sáng một nửa → sinh ra ngày, đêm.
- Trái đất tự quay quanh trục → sự luân phiên ngày, đêm.

GIỜ TRÊN TRÁI ĐẤT VÀ ĐƯỜNG CHUYỂN NGÀY QUỐC TẾ



SỰ LỆCH HƯỚNG CHUYỂN ĐỘNG CỦA CÁC VẬT THỂ

- Bán cầu Bắc: vật lệch phải.
- Bán cầu Nam: vật lệch trái.
- Nguyên nhân: lực Coriolis.



- Trái Đất chia làm 24 múi giờ.
- Múi giờ quốc tế: múi số 0 (giờ GMT).
- Việt Nam thuộc múi giờ số 7.
- Kinh tuyến 180^0 là đường chuyển ngày quốc tế.

TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng nhất về vũ trụ?

- A. Là khoảng không gian vô tận chứa các thiên hà. B. Là khoảng không gian vô tận chứa các ngôi sao.
C. Là khoảng không gian vô tận chứa các hành tinh. D. Là khoảng không gian vô tận chứa các vệ tinh.

Câu 2. Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời ở trung tâm cùng với các

- A. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch, bụi và các thiên hà.
B. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch và các đám bụi khí.
C. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch, khí và Dải Ngân Hà.
D. hành tinh, vệ tinh, vũ trụ, các thiên thạch và các đám bụi khí.

Câu 3. Thiên thể nào sau đây hiện nay **không** được công nhận là hành tinh của Hệ Mặt Trời?

- A. Thiên Vương tinh. B. Diêm Vương tinh. C. Thổ tinh. D. Kim tinh.

Câu 4. Trên Trái Đất có hiện tượng ngày và đêm là nhờ vào

- A. Trái Đất hình khối cầu tự quay quanh trục và được Mặt Trời chiếu sáng.
B. Trái Đất hình khối cầu quay quanh Mặt Trời và được Mặt Trời chiếu sáng
C. Trái Đất được chiếu sáng toàn bộ và có hình khối cầu tự quay quanh trục.
D. Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng và luôn tự quay xung quanh Mặt Trời.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng với Trái Đất trong Hệ Mặt Trời?

- A. Trái Đất tự quay quanh trục, sau đó chuyển động tịnh tiến ở quanh Mặt Trời.
B. Trái Đất chuyển động tịnh tiến ở quanh Mặt Trời, sau đó tự quay quanh trục.
C. Trái Đất vừa tự quay quanh trục, vừa chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời.
D. Trái Đất chuyển động tịnh tiến quanh trục và tự quay xung quanh Mặt Trời.

Câu 6. Các hành tinh trong Hệ Mặt Trời có quỹ đạo chuyển động từ

- A. Tây sang Đông. B. Đông sang Tây. C. Bắc đến Nam. D. Nam đến Bắc.

Câu 7. Giờ mặt trời còn được gọi là giờ

- A. địa phương. B. khu vực. C. múi. D. GMT.

Câu 8. Hiện tượng nào sau đây là hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất

- A. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể. B. Chuyển động biểu kiến năm của Mặt Trời.
C. Ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ. D. Các mùa trong năm có khí hậu khác nhau.

Câu 9. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất không phải là nguyên nhân chính gây nên hiện tượng

- A. sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất. B. giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.
C. lệch hướng chuyển động của các vật thể. D. khác nhau giữa các mùa trong một năm.

Câu 10. Chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất đã gây ra hệ quả nào sau đây?

- A. Sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất. B. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.
C. Chuyển động các vật thể bị lệch hướng. D. Thời tiết các mùa trong năm khác nhau.

Câu 11. Kinh tuyến được chọn để làm đường chuyển ngày quốc tế là

- A. 90^0 . B. 120^0 . C. 150^0 . D. 180^0 .

Câu 12. Để tính giờ múi, bề mặt Trái Đất được chia ra thành

- A. 21 múi giờ. B. 22 múi giờ. C. 23 múi giờ. D. 24 múi giờ.

Câu 13. Khi giờ GMT là 23 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2017, thì ở Hà Nội là

- A. 6 giờ ngày 16 tháng 7 năm 2017. B. 7 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2017.
C. 7 giờ ngày 16 tháng 7 năm 2017. D. 6 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

Câu 14. Để phù hợp với thời gian nơi đến, đi từ phía Tây sang phía Đông qua kinh tuyến đổi ngày, cần

- A. tăng thêm một ngày lịch. B. lùi đi một ngày lịch.
C. giữ nguyên lịch ngày đi. D. giữ nguyên lịch ngày đến.

Câu 15. Để phù hợp với thời gian nơi đi, đi từ phía Đông sang phía Tây qua kinh tuyến đổi ngày, cần

- A. tăng thêm một ngày lịch. B. lùi đi một ngày lịch.
C. giữ nguyên lịch ngày đi. D. giữ nguyên lịch ngày đến.

Câu 16. Trên thực tế, ranh giới múi giờ thường được quy định theo thường được quy định theo

- A. biên giới quốc gia. B. vị trí của thủ đô. C. kinh tuyến giữa. D. điểm cực đông.

Câu 17. Việt Nam nằm trong múi giờ số

- A. 4. B. 5. C. 6. D. 7.

Câu 18. Khi Trái Đất tự quay quanh trục, ở cực Bắc và cực Nam đều có

- A. vận tốc dài giống nhau. B. vận tốc dài khác nhau.
C. vận tốc góc rất lớn. D. vận tốc góc rất nhỏ.

Câu 19. Trên bề mặt Trái Đất, một vật bị lệch sang phải theo hướng chuyển động khi đi từ

- A. Xích đạo về cực Bắc và từ cực Bắc về Xích đạo.
B. Xích đạo về cực Nam và từ cực Nam về Xích đạo.
C. cực Nam về Xích đạo và từ Xích đạo về cực Bắc.
D. cực Bắc về Xích đạo và từ Xích đạo về cực Nam.

Câu 20. Lực Coriolis làm cho một vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất

- A. tăng tốc độ. B. giảm tốc độ. C. bị lệch hướng. D. bị ngược hướng.

Củng cố

.....

.....

.....

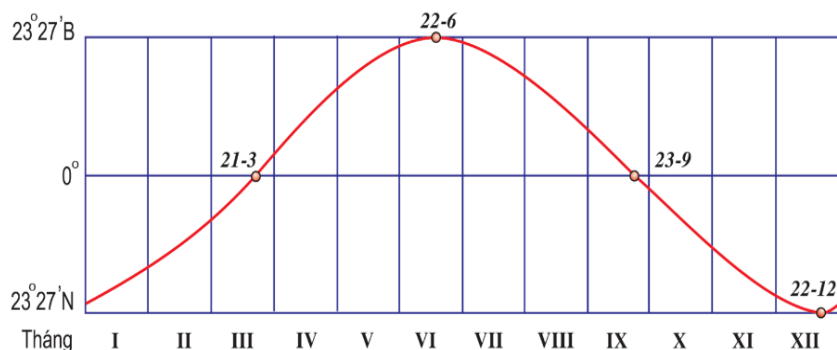
.....

.....

Bài 6



HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG XUNG QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT



CHUYỂN ĐỘNG BIỂU KIẾN HÀNG NĂM CỦA MẶT TRỜI

- Mặt Trời ở đỉnh đầu lúc 12h trưa → Mặt Trời lên thiên đỉnh.
- Hiện tượng này chỉ xảy ra trong vùng **nội chí tuyến**.
- Đây là chuyển động không có thực.

- Mùa là một phần thời gian trong năm có đặc điểm riêng về thời tiết, khí hậu. Mùa ở hai bán cầu trái ngược nhau.

- Có 4 mùa trong năm: xuân, hạ, thu, đông.

- Nguyên nhân: Trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương khi chuyển động.

* Theo dương lịch (Bắc bán cầu): các ngày Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, Đông chí là bắt đầu các mùa.

* Theo âm - dương lịch:

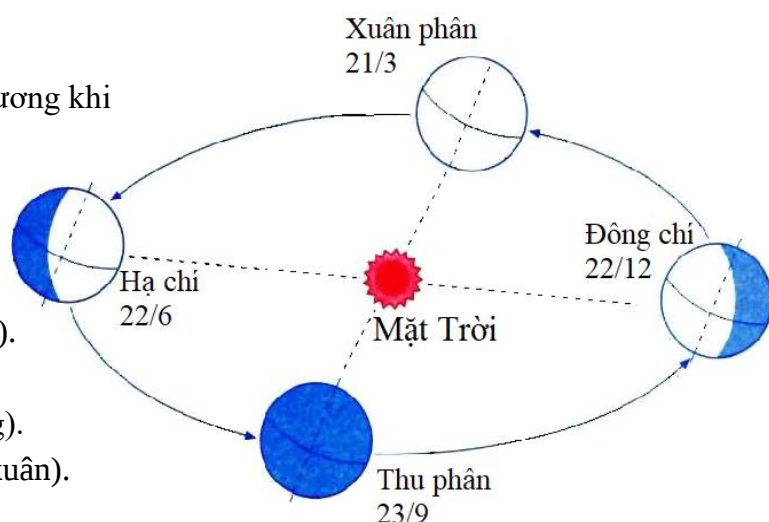
- Mùa xuân: từ ngày 4, 5/2 (lập xuân) đến 5, 6/5 (lập hạ).

- Mùa hạ: từ ngày 5, 6/5 (lập hạ) đến 7, 8/8 (lập thu).

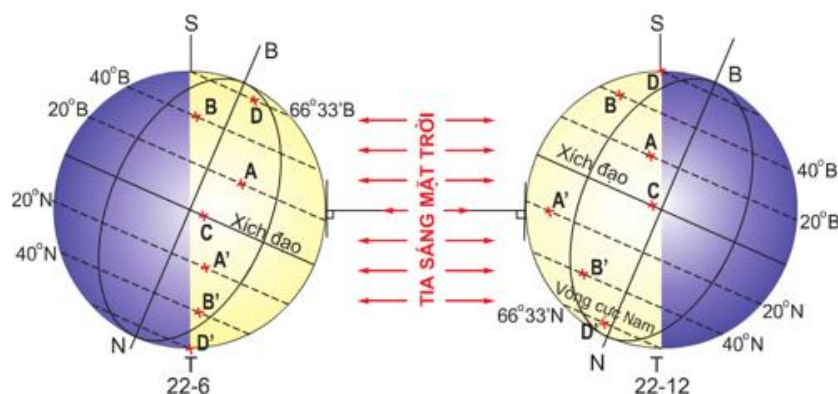
- Mùa thu: từ ngày 7, 8/8 (lập thu) đến 7, 8/11 (lập đông).

- Mùa đông: từ ngày 7, 8/11 (lập đông) đến 4, 5/2 (lập xuân).

CÁC MÙA TRONG NĂM



NGÀY, ĐÊM DÀI NGẮN THEO MÙA VÀ THEO VĨ ĐỘ



*** Theo mùa**

- Mùa xuân và hạ có ngày **dài** hơn đêm.
- Mùa thu và đông có ngày **ngắn** hơn đêm
- 21/3 và 23/9: ngày **bằng** đêm.

*** Theo vĩ độ**

- Ở xích đạo ngày đêm dài bằng nhau.
- Càng xa xích đạo về hai cực thời gian chênh lệch giữa ngày đêm càng nhiều.
- Từ hai vòng cực về hai cực, có hiện tượng ngày hoặc đêm dài 24 giờ (ngày địa cực/đêm địa cực). Càng gần cực số ngày/đêm này càng nhiều.
- Tại 2 cực có 6 tháng ngày, 6 tháng đêm.

 TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Câu 1. Mặt Trời lên thiên đỉnh là hiện tượng

- A. Mặt Trời ở đúng định đầu lúc 12 giờ trưa. B. tia sáng mặt trời vuông góc với Trái Đất.
C. Mặt Trời lên cao nhất ở đường chân trời. D. tia mặt trời đến Trái Đất lúc 12 giờ trưa.

Câu 2. Những ngày nào sau đây trong năm có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh ở Xích đạo?

- A. 21/3 và 23/9. B. 23/9 và 22/6. C. 22/6 và 22/12. D. 22/12 và 21/3.

Câu 3. Nơi nào sau đây trong một năm có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh?

- A. Chí tuyến Bắc. B. Chí tuyến Nam. C. Xích đạo. D. Ngoại chí tuyến.

Câu 4. Nguyên nhân tạo nên hiện tượng chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời là do

- A. Trái Đất chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời.
B. Trái Đất tự chuyển động quanh trục của mình.
C. Mặt Trời đứng yên khi Trái Đất chuyển động.
D. Mặt Trời đứng yên khi Trái Đất quay quanh trục.

Câu 5. Nơi nào sau đây trong năm có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh gần nhau nhất?

- A. Xích đạo. B. Chí tuyến. C. Cận chí tuyến. D. Cận xích đạo.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hiện tượng mùa trên Trái Đất?

- A. Mùa là một phần thời gian của năm. B. Đặc điểm khí hậu các mùa khác nhau.
C. Trái Đất quay quanh Mặt Trời gây ra. D. Các mùa có lượng bức xạ giống nhau.

Câu 7. Thời kì chuyển động biểu kiến Mặt Trời tại Bắc bán cầu, các nước theo dương lịch ở bán cầu Bắc là mùa

- A. xuân và hạ. B. hạ và thu. C. thu và đông. D. đông và xuân.

Câu 8. Thời kỳ chuyển động biểu kiến Mặt Trời tại Nam bán cầu, các nước theo dương lịch ở bán cầu Bắc là mùa

- A. xuân và hạ. B. hạ và thu. C. thu và đông. D. đông và xuân.

Câu 9. Mùa xuân ở các nước theo dương lịch tại bán cầu Nam được tính từ ngày

- A. 21/3. B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 10. Mùa hạ ở các nước theo dương lịch tại bán cầu Bắc được tính từ ngày

- A. 21/3. B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 11. Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

- A. Chí tuyến. B. Vòng cực. C. Cực. D. Xích đạo.

Câu 12. Về mùa hạ, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có

- A. ngày dài hơn đêm. B. đêm dài hơn ngày. C. ngày đêm bằng nhau. D. toàn ngày hoặc đêm.

Câu 13. Nơi nào sau đây trong năm có 6 tháng luôn là đêm?

- A. Xích đạo. B. Chí tuyến. C. Cực. D. Vòng cực.

Câu 14. Khu vực nào sau đây trong năm có từ một ngày đến sáu tháng luôn là ngày?

- A. Từ Xích đạo đến chí tuyến. B. Từ chí tuyến đến vòng cực.
C. Từ vòng cực đến cực. D. Từ cực đến chí tuyến.

Câu 15. Hiện tượng khác nhau về thời gian ngày và đêm trong câu ca dao “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng/Ngày tháng mười chưa cười đã tối” **không** xảy ra ở khu vực nào sau đây?

- A. Xích đạo. B. Chí tuyến Bắc. C. Chí tuyến Nam. D. Vòng cực.

Câu 16. Hà Nội vào mùa hạ có ngày dài hơn ngày ở TP. Hồ Chí Minh, **không** phải do

- A. Ở vĩ độ cao hơn. B. gần chí tuyến hơn. C. xa xích đạo hơn. D. ở kinh độ nhỏ hơn.

Củng cố

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.